

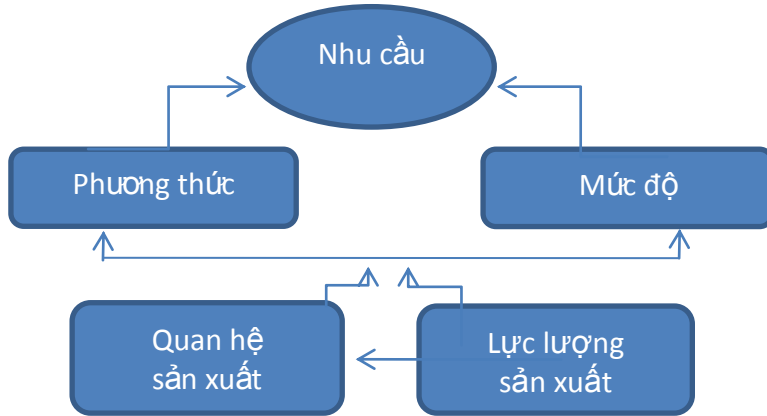
Chương 1

1. Bản chất, hình thức, vai trò của các lợi ích kinh tế?

Bản chất lợi ích kinh tế

-Để thoả mãn các nhu cầu, con người phải tiến hành sx. Sự phát triển của llsx quyết định mức độ thoả mãn các nhu cầu của con người và phương thức thoả mãn các nhu cầu đó.

-*Phương thức và mức độ thoả mãn các nhu cầu của con người* còn tùy thuộc vào địa vị của con người ta trong hệ thống các quan hệ sản xuất xã hội.



Khái niệm: Lợi ích kinh tế là phương thức và mức độ thoả mãn các nhu cầu vật chất của con người; được quy định bởi trình độ phát triển của LLSX và địa vị của các chủ thể kinh tế trong hệ thống các QHSX xã hội.

Những đặc trưng chủ yếu của lợi ích kinh tế :

- Do trình độ phát triển của LLSX quyết định.
- Phụ thuộc vào QHSX, trong đó quan hệ sở hữu tư liệu SX giữ vai trò quyết định.
- Là quan hệ xã hội, là quan hệ giữa con người với nhau trong thụ hưởng kết quả của quá trình sản xuất.
- Là phạm trù lịch sử. Lợi ích kinh tế luôn vận động, do LLSX và QHSX không ngừng vận động, biến đổi.

Các hình thức lợi ích kinh tế

- Tương ứng với mỗi loại chủ thể là một hình thức lợi ích kinh tế: lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích giai cấp, lợi ích nhà nước, lợi ích quốc gia, dân tộc...

- Các lợi ích kinh tế thống nhất với nhau vì:

- Chủ thể này có thể là bộ phận cấu thành của chủ thể khác.
 - Các chủ thể có thể hành động theo cùng một phương hướng nhất định để thực hiện lợi ích của mình.
- ⇒ Do đó, lợi ích của chủ thể này được thực hiện thì lợi ích của chủ thể khác cũng trực tiếp hoặc gián tiếp được thực hiện.

- Các lợi ích kinh tế mâu thuẫn với nhau vì:

+ Các chủ thể có thể hành động theo những phương thức khác nhau để thực hiện các lợi ích của mình. Sự khác nhau đó đến mức đối lập thì trở thành mâu thuẫn.

+Tại một thời điểm, lượng của cải mà xã hội có được là xác định. Thu nhập của chủ thể này tăng lên thì thu nhập của chủ thể khác giảm xuống.

- Khi có mâu thuẫn thì việc thực hiện lợi ích này có thể sẽ làm tổn hại đến các lợi ích khác. Mâu thuẫn về lợi ích kinh tế là cội nguồn của các xung đột xã hội.

⇒ Điều hoà mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế là yêu cầu khách quan của phát triển KT-XH.

⇒ **Vai trò của lợi ích kinh tế**

- Lợi ích kinh tế là động lực của các hoạt động kinh tế, của sự phát triển xã hội.

Người lao động phải tích cực làm việc, nâng cao tay nghề, cải tiến công cụ lao động;

Chủ doanh nghiệp phải tìm cách nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, đáp ứng các nhu cầu, thị hiếu của khách hàng...

⇒ thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

-Để thực hiện lợi ích, các chủ thể kinh tế đấu tranh với nhau để thực hiện quyền làm chủ đối với tư liệu sản xuất. Đó là cội nguồn sâu xa của các cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trong lịch sử.

-Hiện nay, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là: *coi lợi ích kinh tế là động lực của các hoạt động kinh tế; phải tôn trọng lợi ích cá nhân chính đáng.*

- Quan hệ giữa lợi ích kinh tế và các lợi ích khác

-Ngoài lợi ích kinh tế, con người còn có các lợi ích khác: chính trị, văn hóa...

-Lợi ích kinh tế là cơ sở đảm bảo các lợi ích khác.

- Lợi ích kinh tế là điều kiện duy trì quan hệ giữa các chủ thể.

- Các chủ thể kinh tế có lợi ích riêng và lợi ích chung.

- Lợi ích chung sẽ gắn kết các chủ thể kinh tế với nhau.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế?

-Trình độ phát triển của nền kinh tế

- Địa vị của các chủ thể kinh tế (quan hệ sản xuất)

- Thể chế kinh tế (trực tiếp là thể chế phân phối)

- Chính sách nhà nước

- Truyền thống, văn hóa

- Mức độ hội nhập

3. Vị trí quan hệ phân phối trong các quan hệ kinh tế?

Bản chất của quan hệ phân phối

- Kết quả của phân phối biểu hiện trực tiếp mức độ thực hiện các lợi ích kinh tế.

- Tính chất, đặc điểm của quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất quyết định tính chất, đặc điểm của QHSX.

- Quan hệ phân phối có vị trí độc lập tương đối, tác động trở lại quan hệ sở hữu. Nếu phân phối thu nhập công bằng, hợp lý sẽ có tác dụng củng cố quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất và ngược lại, sẽ làm xói mòn, thậm chí phá hoại quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất.

4. Các hình thức thu nhập chủ yếu trong cơ chế thị trường? Nguyên tắc phân phối thu nhập của cơ chế thị trường?

Các hình thức thu nhập

***Tiền lương**

- Tiền lương là thu nhập bằng tiền của người lao động, là kết quả của phân phối theo lao động hoặc phân phối theo giá trị sức lao động.

- Tiền lương của người lao động ở khu vực hành chính, sự nghiệp trực tiếp phụ thuộc vào chính sách tiền lương của nhà nước và còn phụ thuộc vào các quy luật thị trường.
- Trong các thành phần kinh tế: tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... tiền lương được xác định bởi các quy luật thị trường. Sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập là tất yếu.

Những nguyên tắc xác định tiền lương:

- Đảm bảo tái sản xuất sức lao động, tức là tiền lương phải đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của người lao động về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh...
- Tiền lương phải căn cứ vào chất lượng lao động hoặc chất lượng sức lao động, tức là phải tương xứng với trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của người lao động.
- Mức tăng tiền lương phải chậm hơn mức tăng năng suất lao động. Sở dĩ như vậy vì tiền lương là kết quả của sản xuất, do đó phụ thuộc vào sản xuất, vào NSLĐ

***Lợi nhuận**

- Là hình thức thu nhập có được từ các hoạt động đầu tư, là thu nhập của các nhà đầu tư.
- lợi nhuận là động lực quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển và tăng trưởng.

***Lợi tức**

- Là phần thu nhập mà người sở hữu tiền tệ có được do nhượng quyền sử dụng tiền tệ của mình cho doanh nghiệp và các chủ thể khác.
- Lợi tức bao gồm: lãi suất tiền gửi và lợi tức cổ phần. Vì là thu nhập, lợi tức có tác dụng to lớn trong việc huy động vốn. Lợi tức càng cao thì khả năng huy động vốn càng lớn.
- Trong thời kỳ các quan hệ thị trường chưa phát triển, nhà nước thường quy định trần lãi suất. Điều đó làm cho lãi suất mang tính chủ quan. Khi nền kinh tế thị trường phát triển cao, lãi suất sẽ được xác định bằng các tác nhân của thị trường.

***Tiền cho thuê, chuyển nhượng nhà, đất**

- Là thu nhập có được do chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất.
- Sự tồn tại của hình thức thu nhập này có tác dụng làm cho đất đai, nhà cửa được phân bổ lại để sử dụng có hiệu quả hơn.

Hình thức thu nhập này có thể làm gia tăng giãn cách về mức sống giữa các tầng lớp dân cư.

***Thu nhập từ các quỹ tiêu dùng công cộng**

- Thu nhập của một bộ phận dân cư dưới các hình thức như: tiền trợ cấp, tiền bảo hiểm, lương hưu... và các khoản chi trả khác.
- Từ các quỹ tiêu dùng xã hội, các thành viên xã hội còn được hưởng các dịch vụ công cộng về văn hoá, y tế, giáo dục... không phải trả tiền hoặc chỉ phải trả một phần.
- Trong các doanh nghiệp, tổ chức KT-XH... còn có quỹ phúc lợi chung và các thành viên đều được hưởng phúc lợi này.

5. Thể chế phân phối thu nhập trong cơ chế thị trường?

***Khái niệm thể chế**

- Adam Smith là người đề xướng kinh tế học cổ điển với lý thuyết "bàn tay vô hình".

Lý thuyết khẳng định ý nghĩa của trao đổi và giao dịch trên thị trường, trong đó đã chỉ ra rằng sự phát triển kinh tế phụ thuộc vào "những luật chơi" hay các thể chế ràng buộc các mối quan hệ sản xuất, trao đổi.

- Tuy có nhiều cách diễn giải khác nhau về thể chế song các khái niệm đã nêu trên đều thống nhất ở một điểm là coi “thể chế” là một “bộ quy tắc” hoặc chuẩn mực về hành vi của con người, có tác dụng điều tiết các quan hệ qua lại giữa con người với nhau.

* Các khái niệm đều cho rằng thể chế bao gồm:

- Các bộ quy tắc hay các “luật chơi” (pháp luật, các quy tắc xã hội của một cộng đồng...)
- Các chủ thể tham gia “trò chơi”, hay “người chơi” (cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng...)
- Cơ chế thực thi quy tắc, hay là các “cách chơi” (các chính sách, cơ chế hỗ trợ...)
- Thực tiễn phát triển kinh tế đã cho thấy rằng các nền kinh tế thành công có các hệ thống thể chế rất khác nhau và trình độ phát triển của các nước có thể chế giống nhau cũng rất đa dạng.

*** Khái niệm về thể chế kinh tế**

- Thể chế kinh tế có thể được coi là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại song song cùng với các bộ phận khác như thể chế chính trị, thể chế gia đình, thể chế giáo dục, thể chế tôn giáo...

* Nhìn chung, các quan điểm được nêu đều thống nhất ở một điểm cho rằng thể chế kinh tế là một hệ thống bao gồm:

- Các quy định về kinh tế của nhà nước và các quy tắc xã hội được nhà nước công nhận
- Các cơ chế, phương pháp, thủ tục thực hiện các quy định và vận hành bộ máy đó.

Như vậy, có thể hiểu thể chế kinh tế là sự vận hành đồng bộ của 3 bộ phận chính.

Các yếu tố	Nội dung
Các quy tắc tạo thành “luật chơi” KT	- Khung luật pháp về kinh tế. - Các quy tắc, chuẩn mực xã hội về/ hoặc liên quan về KT, kể cả các quy tắc hay chuẩn mực phi chính thức.
Các chủ thể tham gia “trò chơi” KT	- Các cơ quan/tổ chức nhà nước về kinh tế. - Các doanh nghiệp. - Các tổ chức đoàn thể, hội, cộng đồng dân cư và người dân.
Cơ chế thực thi “luật chơi KT”	- Cơ chế tự do cạnh tranh thị trường. - Cơ chế phân cấp quản lý KT. - Cơ chế phối hợp - Cơ chế tham gia: giám sát, giải trình...

***Khái niệm về thể chế kinh tế thị trường**

Khái niệm về KTTT

- Sự phát triển của LLSX chính là những tiền đề quan trọng cho sự ra đời và phát triển KTTT.

- Trong quá trình sx và trao đổi, các nhân tố của thị trường như cung, cầu, giá cả, sẽ tác động theo cách lực sx TNTN như vốn, đất đai, LĐ... phục vụ cho sx và lưu thông.

* Như vậy, KTTT có những đặc trưng chủ yếu sau:

- Thị trường là cơ sở cho việc phân bổ các nguồn lực.

- Hệ thống các thị trường như TT hàng hóa, TT lao động, TT BĐS... trở thành đầu mối của sự hoạt động qua lại trong nền KT.

- Các thực thể KT như các doanh nghiệp, các cá nhân tham gia vào hoạt động của thị trường theo quy luật của nền KTTT

- Trong nền KTTT, sản phẩm và hàng hóa được tự do lưu thông trên thị trường.

* Khái niệm thể chế KTTT

- Từ những khái niệm và định nghĩa nêu trên về “thể chế KT” và về “KTTT”, có thể suy ra rằng: thể chế KTTT là một tổng thể bao gồm các bộ quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức KT được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi KTTT, bao gồm cả những giao dịch giản đơn, đến các giao dịch của các hãng, công ty lớn, với các sản phẩm phức tạp, đòi hỏi đáp ứng các tiêu chuẩn cao.

* Cụ thể hơn, thể chế KTTT là:

1. Các luật chơi, các quy tắc về hành vi KT diễn ra trên TT- điều chỉnh các hoạt động của các bên tham gia trò chơi.

2. Các chủ thể TT.

3. Cách thức tổ chức thực hiện các luật chơi.

4. Các “thị trường” – “sân chơi

Các loại hình TT quan trọng hàng đầu là TT hàng hóa và dịch vụ, các TT yếu tố sx. Các cấu trúc TT “cứng” này chính là một trong những đặc trưng không thể thiếu của hệ thống thể chế KTTT.

* Các chủ thể tham gia “trò chơi KTTT”: Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội.

Nhà nước

• Thực tế cho thấy, vai trò của nhà nước trong nền KTTT ngày càng chứng tỏ như một nhân tố quan trọng, không thể thiếu, đảm bảo sự ổn định và phát triển của nền kinh tế quốc dân.

• Nhà nước cần phải thực hiện những chức năng cơ bản sau:

- Chức năng xây dựng thể chế (khung luật pháp, tạo dựng môi trường kinh doanh...).

- Cung cấp các hàng hoá công cộng thuần túy (an ninh quốc gia, trật tự trị an, kết cấu hạ tầng, y tế cộng đồng, giáo dục phổ thông...).

- Khắc phục các khuyết tật thị trường.

- Phối hợp các hoạt động tư nhân và thực hiện việc phân phối lại của cải xã hội.

Doanh nghiệp

• Với tư cách là các chủ thể tích cực của nền KTTT, các doanh nghiệp có nhiều hình thức khác nhau.

• Là chủ thể quan trọng, quyết định sự tồn vong, phát triển của mọi nền KTTT.

• Trong khi phụ thuộc nhiều vào môi trường thể chế KT nói chung, sự phát triển của bản thân các doanh nghiệp, cũng góp phần không nhỏ vào việc làm biến đổi khung thể chế này.

Các tổ chức xã hội

- Các tổ chức xã hội chính là các thể chế phi sx-kinh doanh, nằm ngoài hệ thống các cơ quan nhà nước và tồn tại song song với thể chế nhà nước; là hệ thống các tổ chức và quan hệ của công dân, cộng đồng để thực hiện hóa và củng cố lợi ích của họ.
- Mục đích tồn tại cơ bản của các tổ chức xã hội là phối hợp hoạt động với nhà nước, đảm bảo cho quan hệ giữa nhà nước và xã hội được cân bằng, ổn định và bền vững.
- Trên thực tế, các tổ chức xã hội thường hình thành trên cơ sở các nhóm lợi ích, chia sẻ các lĩnh vực cùng quan tâm theo mục đích nghề nghiệp, phần lớn trong số đó có hoạt động mang tính tự nguyện.

6. Vai trò nhà nước trong phân phối thu nhập?

Tính tất yếu của vai trò nhà nước

* Cơ chế thị trường có rất nhiều ưu việt, không chỉ trong lĩnh vực sx mà còn cả trong lĩnh vực phân phối.

Các nguyên tắc phân phối thu nhập trong CCTT:

- Phân phối theo quy mô sử dụng các nguồn lực.
- Phân phối theo hiệu quả sử dụng các nguồn lực

* Như vậy, phân phối theo nguyên tắc thị trường sẽ có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Chính sách phân phối thu nhập trước hết phải được xây dựng trên các nguyên tắc của KTTT.

*Mặt trái của phân phối thu nhập theo cơ chế thị trường:

- Giãn cách thu nhập ngày càng lớn.
 - Không đảm bảo được đời sống của bộ phận dân cư yếu thế.
- ⇒ phải có sự can thiệp của nhà nước

* Các chức năng của nhà nước trong phân phối thu nhập

- Tạo lập cơ sở thực hiện phân phối theo cơ chế thị trường.
- Khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường trong phân phối thu nhập.
- Thực hiện định hướng XHCN trong phân phối thu nhập (ở Việt Nam).

* Các công cụ phân phối thu nhập: Thuế, Lãi xuất, Trợ cấp, Giá cả (hàng hóa, dịch vụ; các yếu tố sản xuất)

7. Các nguyên tắc và nội dung của chính sách phân phối thu nhập trong CCTT?

*Nguyên tắc

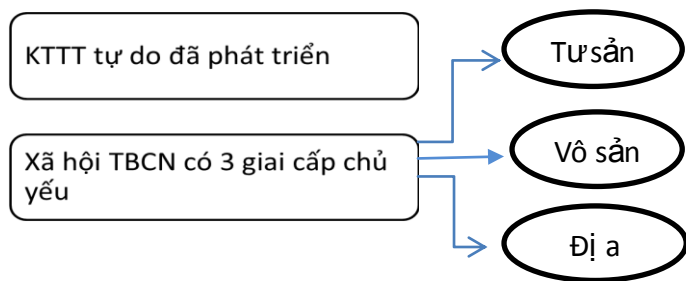
- Tôn trọng các quy luật thị trường.
- Đảm bảo hài hòa các lợi ích.

*Nội dung chính sách

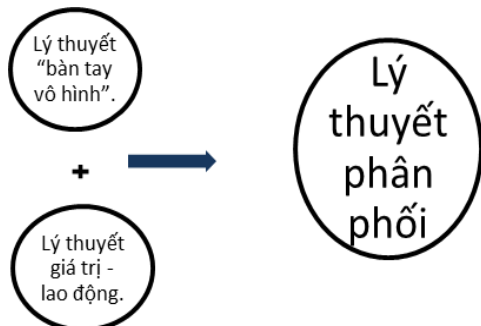
- Tôn trọng, bảo vệ thu nhập chính đáng; chống thu nhập bất hợp pháp.
- Điều tiết hợp lý mức thu nhập của các tầng lớp dân cư.
- Đảm bảo đời sống cho bộ phận dân cư yếu thế.

Chương 2

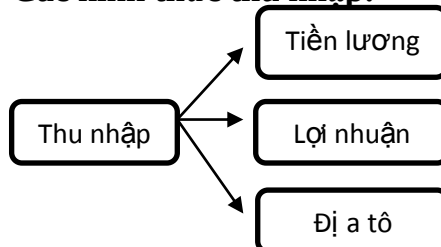
1. Lý thuyết phân phối theo học thuyết cổ điển ?



a. Nội dung lý thuyết phân phối của A.Smith



Các hình thức thu nhập:



• Địa tô

- **Khái niệm:** Là khoản khấu trừ đầu tiên vào sản phẩm lao động
- **Xét về lượng, chất:** Là số dôi ra ngoài tiền lương của công nhân và lợi nhuận của nhà tư bản; phản ánh quan hệ bóc lột.
- **Tiền tô:** Địa tô + lợi tức tư bản đầu tư cải tạo đất đai.
- **Nguồn gốc:** Nông nghiệp có địa tô vì năng suất lao động nông nghiệp cao hơn công nghiệp
- **Hạn chế:** Ông phủ nhận địa tô tuyệt đối

• Lợi nhuận

- **Khái niệm:** Là khoản khấu trừ thứ hai vào sản phẩm của người lao động; có nguồn gốc là lao động không được trả công của công nhân.
- **Lợi tức:** Lợi tức là một bộ phận của lợi nhuận.
- **Xu hướng:** Bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận giảm xuống.

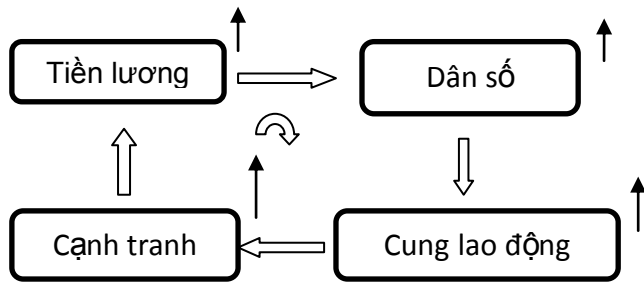
• Tiền lương

- **Khái niệm:** Là thu nhập của công nhân.
- **Bản chất:** Với người công nhân làm thuê, tiền lương chỉ là 1 bộ phận giá trị sản phẩm do họ làm ra.
- **Căn cứ:** Là giá trị tsh cần thiết. Đó là mức tối thiểu của tiền lương, nếu thấp hơn là thảm họa cho sự tồn tại của dân tộc.

• Những nhân tố ảnh hưởng đến tiền lương:

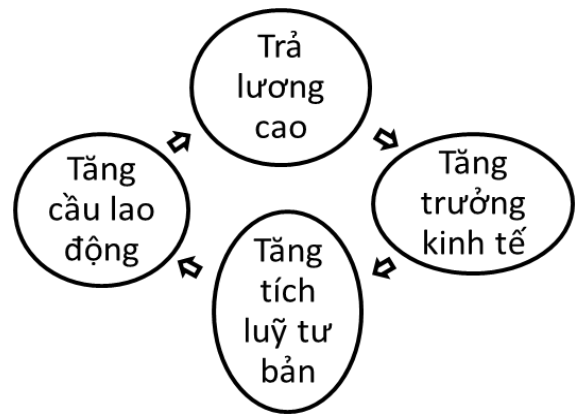
- Trình độ phát triển kinh tế
- Đặc điểm lao động
- Điều kiện làm việc
- Tính chất công việc
- Trình độ chuyên môn
- Thời gian và cường độ lao động

Theo A. Smith, cơ chế chi phối tiền lương vận động như sau:



⇒ công đoàn không có tác dụng trong đấu tranh để tăng lương.

- A. Smith ủng hộ trả lương cao:



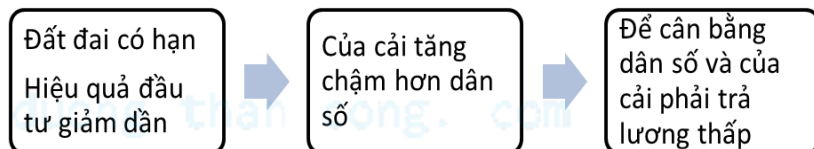
b. Nội dung lý thuyết phân phối của D. Ricardo

- Lý thuyết giá trị lao động
- Lý thuyết phân phối

• Tiền lương

- **Khái niệm:** Tiền lương hay giá cả thị trường của lao động, được xác định trên cơ sở giá cả tự nhiên
- **Các yếu tố cấu thành:** Giá cả tự nhiên của lao động là giá trị những tsh của công nhân và gia đình họ
- **Vận dụng:** ủng hộ “Quy luật sắt về tiền lương”, phê phán giúp đỡ người nghèo.

• Quy luật sắt về tiền lương



• Lợi nhuận

- **Định nghĩa:** Là thu nhập của nhà tư bản; số còn lại ngoài tiền lương.
- Tỷ suất lợi nhuận giảm vì tiền lương và địa tô tăng (diện tích đất đai có hạn, độ màu mỡ giảm dần).

• Địa tô

- Diện tích đất đai có hạn, độ màu mỡ giảm dần, trong khi dân số tăng nhanh --- > phải cạnh tranh trên cả ruộng đất xấu.
- Giá trị nông sản do hao phí lao động trên ruộng đất xấu quyết định ---- > trên ruộng đất trung bình và tốt sẽ có lợi nhuận siêu ngạch --- > trả cho địa chủ gọi là địa tô.
- Không thừa nhận địa tô tuyệt đối.

2. Nội dung học thuyết phân phối C. Mac?

- Phân phối thể hiện những quan hệ giữa người với người không những đối với các điều kiện của sản xuất, mà còn đối với kết quả của sản xuất.
- Phân phối các điều kiện sản xuất quyết định phân phối kết quả sản xuất.
- Quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý quyết định quan hệ phân phối.

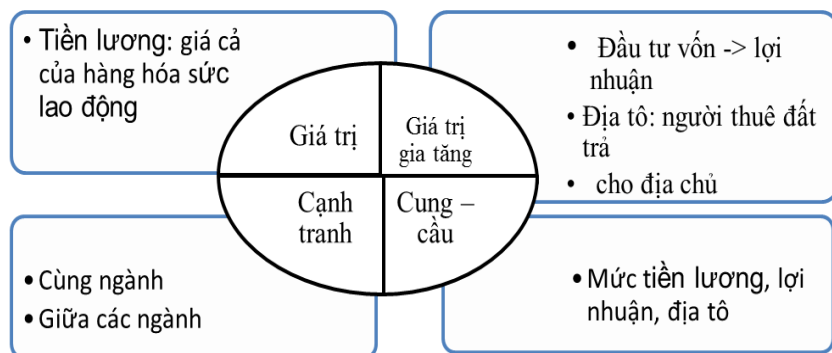
a. Phân phối thu nhập trong CNTB

• Những tiền đề

- Nhà tư bản: Sở hữu TLSX

phân phối vì lợi ích của nhà tư bản và

- Địa chủ: Sở hữu đất đai.
- Công nhân: bán sức lao động
 - **Hình thức thu nhập:** Tiền lương, lợi nhuận, địa tô
 - **Cơ chế phân phối trong CNTB**



b. Phân phối thu nhập trong CNCS

- Nguyên tắc phân phối: Theo nhu cầu
- Cơ sở, điều kiện: LLSX, QHSX

• Phân phối trong CNXH

- Quan niệm của các nhà kinh điển: Phân phối theo pháp quyền tư sản: theo lao động . Nguyên nhân: công hữu TLSX; LLSX còn thấp
- Phân phối trong CNXH hiện thực: Phân phối bình quân. Nguyên nhân: LLSX chưa phát triển

3. Nội dung học thuyết Tân cổ điển

a. Lý thuyết phân phối của John Bates Clark

Đại biểu của trường phái “giới hạn” ở Mỹ là John Bates Clark (1847-1938). Trên cơ sở lý thuyết “Giới hạn”, Ông đưa ra lý thuyết phân phối.

Lý thuyết “**Năng suất giới hạn**”

- Lý thuyết “ba nhân tố sản xuất” của J.Say: LĐ, Đất đai, Vốn.
- Quy luật hiệu suất biên giảm dần của D.Ricardo

=> Trên cơ sở 2 lý thuyết trên, J.B.Clark khái quát: *ích lợi của các yếu tố sản xuất thể hiện ở năng suất của nó. Do vậy, đơn vị yếu tố sản xuất được sử dụng sau cùng là “đơn vị yếu tố sản xuất giới hạn”, sản phẩm của nó là “sản phẩm giới hạn”, năng suất của nó là “năng suất giới hạn”, nó quyết định năng suất của tất cả các yếu tố sản xuất khác.*

Lý thuyết phân phối

- Thu nhập là năng lực chịu trách nhiệm của các yếu tố sản xuất
- Tiền lương của công nhân bằng sản phẩm giới hạn của lao động
- Lợi tức bằng sản phẩm giới hạn của tư bản
- Địa tô bằng sản phẩm giới hạn của đất đai
- Phần còn lại là thặng dư của người sử dụng các yếu tố sản xuất hay lợi nhuận của người kinh doanh

b. Lý thuyết phân phối của phái Cambridge

- Người sáng lập trường phái này là Alfred Marshall (1842-1924).

- Cơ sở của lý thuyết phân phối là lý thuyết sản xuất và các yếu tố sản xuất.
- Sản xuất là việc chế tạo ra các ích lợi.
- Sự tăng lên của sản xuất dẫn đến tiết kiệm.
- Tiết kiệm bên ngoài sinh ra từ sự phát triển chung của công nghiệp và là kết quả của tích tụ.
- Tiết kiệm bên trong là tiết kiệm các yếu tố sản xuất.

*** Các yếu tố sản xuất: đất đai, lao động và tư bản**

- Đất đai là yếu tố thứ nhất. Độ màu mỡ của đất đai giảm dần. Xu hướng đó có thể được ngăn chặn do tác động của khoa học - kỹ thuật.
- Lao động là nhân tố thứ hai. Đó là sự nhọc nhằn của con người để chế biến tài vật. Lao động cũng tuân theo quy luật “ích lợi giới hạn”.
- Tư bản là nhân tố thứ ba. Đó là bộ phận của cái mà cá nhân tiết kiệm được từ thu nhập của họ.

*** Lý thuyết phân phối**

- Lợi tức quốc gia phân phối thành thu nhập của người lao động, lợi nhuận của tư bản, tiền tô ruộng đất và những cái lợi khác.
- Nó được phân phối theo tỷ lệ nhất định cho nhu cầu giới hạn về các yếu tố sản xuất của dân cư.
- Giới hạn của việc sử dụng các yếu tố sản xuất do những điều kiện của cầu so với cung. Số lượng các yếu tố sản xuất càng tăng thì giá cả của nó càng giảm.

• Tiền công

- Tiền công là những phí tổn cần thiết để nuôi dưỡng và giúp đỡ và duy trì năng lực của người lao động. Tiền công có xu hướng cân bằng với sản phẩm ròng của lao động.
- Năng suất giới hạn của lao động cao, sản phẩm ròng của lao động sẽ cao.
- Tiền công phụ thuộc vào năng suất trung bình của ngành sản xuất và của chính người thợ.
- Sự cuốn hút lao động của một ngành phụ thuộc vào các nhân tố: sự không đều đặn của việc làm; sự khó khăn và nỗ lực của người lao động; mức tiền công.

• Lợi nhuận

- Lợi tức là cái giá phải trả cho việc sử dụng tư bản, do quan hệ cung - cầu tư bản quyết định.
- Lợi nhuận là tiền thù lao thuần túy cho hoạt động kinh doanh.
- Tỷ suất lợi nhuận trong các ngành khác nhau là do tỷ lệ khác nhau về tư bản, tiền công, chi phí vật liệu và giá cả ruộng đất.
- Tỷ suất lợi nhuận còn phụ thuộc vào độ dài thời gian và số lượng lao động cần thiết cho việc hoàn vốn.
- Thu nhập sinh ra từ tư bản đã đầu tư phụ thuộc vào cầu tương đối về các sản phẩm của nó.

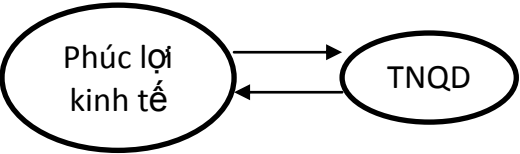
• Địa tô

- Ruộng đất là yếu tố sản xuất đặc thù, cung không biến đổi.
- Giá cả ruộng đất do cầu; địa tô do năng suất giới hạn của ruộng đất quyết định.

c. Kinh tế học phúc lợi của A.C.Pigou (1877-1959)

- Phúc lợi kinh tế:

- * Quan hệ giữa phúc lợi kinh tế và TNQD**



- Là sự thỏa mãn chủ quan với “vật đối xứng khách quan”.
- TNQD tăng thì phúc lợi kinh tế tăng.
- Ba mặt của lý thuyết phân phối TNQD: tăng TNQD, phân phối TNQD và biến động TNQD.

- *Lý thuyết TNQD*

- Tăng TNQD: Sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên
- Phân phối TNQD: Tăng TNQD thực tế của người nghèo khi TNQD không tăng sẽ làm tăng phúc lợi KT.
- Biến động TNQD: Các nhân tố biến động TNQD suy giảm mà không làm giảm TNQD sẽ làm tăng phúc lợi kinh tế

- *Học thuyết phúc lợi kinh tế*

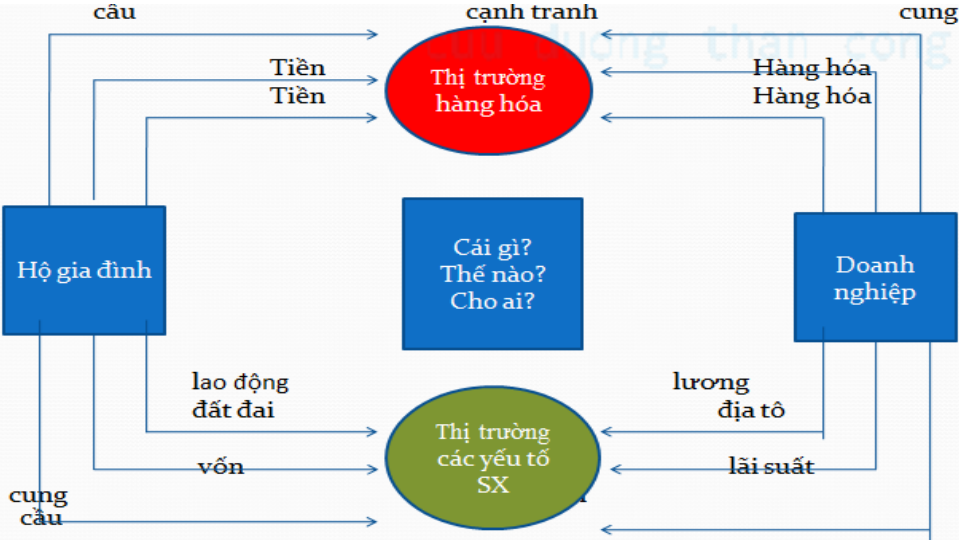
- Một là, bất kỳ một sự tăng thu nhập thực tế nào cũng làm tăng sự thỏa mãn.
- Hai là, sự điều chỉnh thu nhập bằng tiền của người giàu cho người nghèo cũng làm tăng sự thỏa mãn, tăng phúc lợi kinh tế.

4. Nội dung học thuyết hiện đạt?

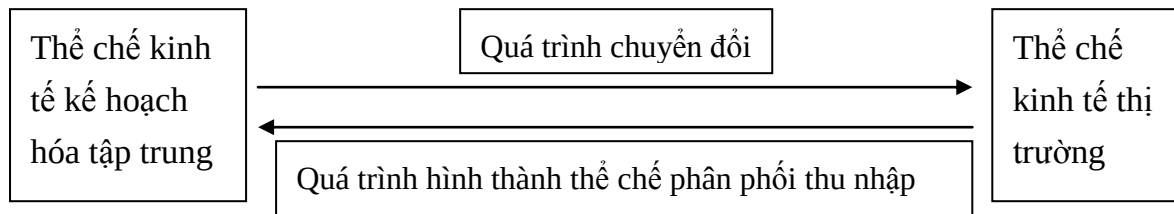
a. Trường phái sau Keynes

- Quan hệ giữa tăng trưởng và phân phối
- Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào phân phối TNQD, lượng thu nhập và tiết kiệm.
 - Khuynh hướng tiết kiệm giữa những người nhận tiền lương và lợi nhuận không giống nhau nên thay đổi trong phân phối sẽ ảnh hưởng đến tiết kiệm
 - Nhịp độ tích lũy tư bản quyết định tăng trưởng kinh tế. Do đó, phân phối thu nhập phải nghiêng về phía lợi nhuận .

b. Lý thuyết phân phối của P.A.Samuelson



1. Khái quát về quá trình hình thành thể chế phân phối thu nhập ở Việt Nam?



- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngày **30/4/1975**, cả nước độc lập thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, **xây dựng thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung**.

Ở thời kỳ này nhà nước đóng vai trò quyết định toàn bộ nền kinh tế, kinh tế tư nhân bị xoá bỏ. Hàng hóa được phân phối theo chế độ tem phiếu do nhà nước nắm toàn quyền điều hành, ngăn cấm việc mua bán trên thị trường hoặc vận chuyển tự do hàng hoá từ địa hương này sang địa phương khác.

Nhà nước có độc quyền phân phối hàng hóa, hạn chế trao đổi bằng tiền mặt. Chế độ hộ khẩu được thiết lập trong thời kỳ này để phân phối lương thực, thực phẩm theo đầu người, tiêu biểu nhất là sổ gạo ấn định số lượng và mặt hàng được phép mua.

- **Năm 1979**, Hội nghị TU 6 (khoá IV): Nghị quyết về lưu thông - phân phối, mở đường áp dụng cơ chế “kế hoạch 3 phần” trong các DNNN, cho phép DNNN vươn ra thị trường tự do với phần vượt ra ngoài kế hoạch pháp lệnh.

Ban chỉ đạo thi hành Điều lệ xí nghiệp quốc doanh của Trung ương với nội dung: chuyển từ lối quản lý hành chính bao cấp sang phương thức quản lý xã hội chủ nghĩa, đi vào kinh doanh có hoạch toán, có tổ chức, có kỷ luật. Mầm mống chủ thể mới xuất hiện, các quan hệ thị trường bắt đầu được thiết lập. Đây được coi như sự đột phá đầu tiên về tư duy của Đảng ta trong quá trình đổi mới.

⇒ Mầm mống chủ thể mới xuất hiện

Các quan hệ TT bắt đầu được thiết lập

Nguyên tắc phân phối mới xuất hiện: không phụ thuộc vào quy định của nhà nước

Lợi ích người lao động và xí nghiệp được thực hiện tốt hơn

- Chỉ thị 100 của Ban Bí thư khóa IV, **tháng 1-1981** về “cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” đã tạo ra không khí hồ hởi trong nông thôn và bước phát triển mới.

Thực chất: phân phối theo nhóm

Ưu điểm: Lợi ích người lao động được đảm bảo tốt hơn so với trước

Hạn chế: lợi ích cá nhân chưa thực sự được đảm bảo

- Cuộc điều chỉnh giá - lương - tiền **năm 1985** đã khiến nền kinh tế biến động mạnh. Về giá, lấy giá thóc làm chuẩn, các mức giá của hàng hóa khác được quy theo giá thóc. Về lương, thực hiện nâng giá đến đâu thì tăng tương theo đó (bù giá vào lương). Về tiền, để đáp ứng giá mới, lương mới, phải in thêm tiền. Tổng tiền lưu thông trong cuộc điều chỉnh năm 1985 là 120 tỷ đồng.

Thực chất và mục tiêu của chính sách

Ưu điểm: chuyển dần phân phối theo nguyên tắc thị trường

Hạn chế: tạo ra biến động lớn do hiện tượng đổi tiền, sản xuất không đáp ứng kịp, lạm phát tăng.

- Đại hội Đảng lần thứ VI năm **1986: Đổi mới toàn bộ nền kinh tế.**

Từ Đại hội VI trở đi nền kinh tế nước ta là một **nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần**: Kinh tế nhà nước, Kinh tế tập thể, Kinh tế tư nhân, Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- KTTT chính thức được hình thành:

- Hình thành các chủ thể thị trường.
- Hình thành các quan hệ thị trường (Trao đổi hàng hóa)
- Hình thành các thể chế kinh tế thị trường.

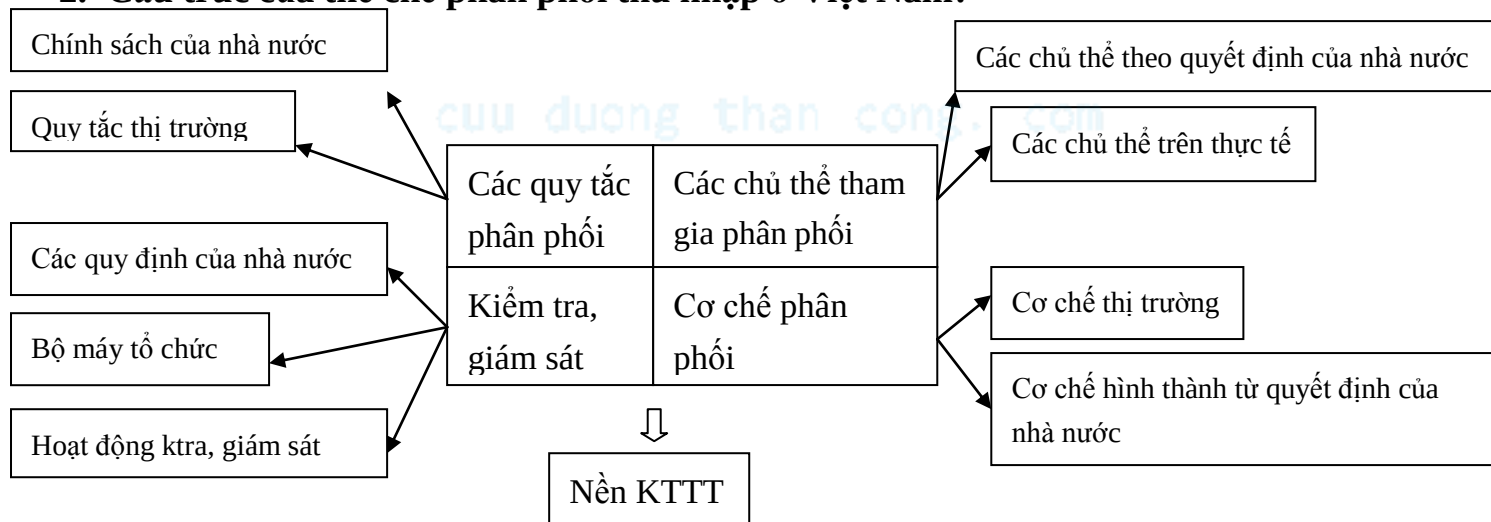
- Chính sách mở cửa hội nhập

- KTTT mở cửa (Nền kinh tế sx cho người khác => mở cửa => hội nhập quốc tế)
 - + Xuất hiện những chủ thể mới
 - + Xuất hiện những quan hệ mới

⇒ Thay đổi thể chế phân phối. Thể chế mới xuất hiện

⇒ Hiện nay, VN áp dụng thể chế phân phối thu nhập theo lao động, theo kết quả lao động và theo mức độ đóng góp của nguồn lực

2. Cấu trúc của thể chế phân phối thu nhập ở Việt Nam?



- Phân phối thu nhập ở VN

Lao động: Lương Doanh nghiệp: Lợi nhuận Nhà nước: Thuế

Phúc lợi xã hội: Phân phối theo bình quân, cán bộ công nhân viên chức hưởng lương theo thâm niên

Mức lương tối thiểu

Nhược điểm: phản CCTT

- Các chủ thể theo quyết định của nhà nước: KT nhà nước, KT tập thể, KT tư nhân, KT có vốn đầu tư nước ngoài
 - Các chủ thể trên thực tế: Ngoài 4 chủ thể trên còn có các chủ thể như mô giới, tham nhũng.
- Kiểm tra, giám sát
 - Tại VN hiện nay, cơ chế kiểm tra, giám sát rất yếu kém và hạn chế

3. Những ưu điểm và hạn chế chủ yếu của thể chế phân phối thu nhập ở Việt Nam hiện nay?

- Các tiền đề khách quan
 - Chiến tranh
 - Xuất phát điểm thấp
- Vai trò chủ quan: Nhà nước
- Mức độ hoàn thiện: Chưa hoàn thiện
- Ưu điểm:
 - Quan hệ phân phối thu nhập giúp thúc đẩy đà tăng trưởng của đất nước, tạo động lực cho người dân lao động sản xuất vì lợi ích của bản thân, của doanh nghiệp cũng như toàn xã hội, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từng bước nâng cao đời sống của mọi tầng lớp dân cư.
 - VD: Từ 1991-1995: Nền kinh tế khắc phục được trì trệ, suy thoái. GDP ổn định và luôn ở mức cao, trung bình 8,2%. Lạm phát được đẩy lùi, từ 774,7 năm 1986 xuống 12,7 năm 1995. Xuất khẩu lương thực ra thế giới.
 - Nguyên tắc phân phối của nước ta hiện nay: Phân phối theo mức lao động và theo mức độ đóng góp các nguồn lực. Việc phân chia công bằng tỷ lệ giữa phân phối theo lao động và theo đóng góp vốn để cả hai bên, người lao động và người sở hữu vốn đều hài lòng. Phân phối theo lao động sẽ giúp tăng NSLĐ, phân phối theo đóng góp vốn sẽ sử dụng được tối đa các nguồn lực.
- Nhược điểm
 - Nhà nước quy định cán bộ công nhân viên chức hưởng lương theo thâm niên và quy định mức lương tối thiểu vừa có nhiều ưu điểm nhưng có nhược điểm vì phản cơ chế TT.
 - Sự chênh lệch, bất hợp lý giữa các bộ phận, ngành nghề, các vùng khác nhau.
 - Tình trạng tham ô, nhiều cán bộ công nhân viên chức tha hóa đạo đức.
 - Thể chế chưa thực sự hoàn thiện.

4. Các nhân tố ảnh hưởng đến thể chế phân phối thu nhập ở VN?

Thể chế phân phối thu nhập nằm trong phạm vi của thể chế kinh tế, vì vậy, thể chế phân phối thu nhập cũng chịu sự tác động của:

- Luật chơi: Luật thành văn và luật bất thành văn.
- Người chơi (những người tham gia phân phối): Nhà nước, chủ doanh nghiệp, người lao động, người môi giới phân phối trung gian, các chủ thể nước ngoài.
- Cách chơi:
 - phụ thuộc vào lợi ích
 - Luật (quy định của Nhà nước, tập quán)
 - Cơ chế thị trường.
- Sân chơi: Trình độ phát triển của nền kinh tế.

Chương 4

1. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của dân cư Việt Nam những năm vừa qua?

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập mà chính là tiền lương của người lao động, qua thu nhập có thể phản ánh được đời sống của dân cư.

Các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước.

- Các luật lệ, điều khoản về tiền lương, tiền công và các khoản phúc lợi được quy định trong Bộ Luật lao động đòi hỏi các tổ chức phải tuân thủ khi xác định và đưa ra các mức tiền lương phù hợp. Tìm hiểu và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về các vấn đề lao động trước khi xây dựng cơ chế trả lương là việc làm bắt buộc. Doanh nghiệp cần lưu ý đến các vấn đề như mức lương tối thiểu Nhà nước quy định hợp đồng và lương thử việc, lương thời vụ, lương trong kỳ thai sản, ốm đau, nghỉ việc...
- Ngoài các quy định trong Luật lao động thì công đoàn là tổ chức bảo vệ quyền của người lao động trong đó có tiền lương. Công đoàn hoạt động và chấp hành theo luật Công đoàn, hiến pháp và pháp luật.

Do thị trường quy định

- Cung – cầu lao động ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người lao động.
- Lạm phát, chi phí sinh hoạt; giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Sự tăng trưởng của nền kinh tế: Khi nền kinh tế tăng trưởng sẽ tạo ra nhiều công ăn việc làm và nâng cao mức thu nhập cho người lao động. Nguồn thu ngân sách cũng tăng, từ đó phúc lợi xã hội sẽ tốt hơn.

Xét theo vùng miền:

- Về mặt tuyệt đối, thu nhập của người dân thành thị cao hơn thu nhập của người dân nông thôn. Tuy nhiên, nếu xét theo tốc độ tăng thu nhập thì người dân nông thôn có tốc độ tăng nhanh hơn cho với người dân thành thị.
- Xét theo vùng: Đông Nam Bộ có mức thu nhập bình quân cao nhất do điều kiện tự nhiên thuận lợi, là đầu mối giao thông, trung tâm KT-XH-VH và có thời gian phát triển nền KTTT lâu nhất.

Các nhân tố khác

- Thu nhập bình quân của chủ hộ nữ cao hơn chủ hộ nam do đặc điểm giới.
- Trình độ học vấn.

2. Những thành tựu và hạn chế trong phân phối thu nhập ở nước ta hiện nay: nguyên nhân và hậu quả?

Thành tựu:

- KTTT đang hình thành, phát triển --- > phân phối thu nhập theo CCTT hình thành: Lương, Vốn, Đất đai
- Những ưu việt của phân phối thu nhập theo CCTT tạo động lực quan trọng cho các hoạt động kinh tế.
- Nhà nước đã có những chính sách phân phối thu nhập hạn chế mặt trái của phân phối thu nhập theo CCTT: CS thuế, CS phân phối theo phúc lợi, CS BHYT...
- Phân phối thu nhập ở Việt Nam tương đối công bằng: Gini VN < 0,5

Hạn chế:

- Phân phối thu nhập chưa thật sự công bằng

- Quan hệ giữa tiền lương và lợi nhuận trong DN.
- Tiền lương trong khu vực hành chính - sự nghiệp: mang tính bình quân, không phản ánh đúng giá trị sức lao động.
- Việc xác định giá cả nhiều loại hàng hóa, dịch vụ chưa chính xác, minh bạch
 - Xác định giá điện, xăng dầu.
 - Giá cả các dịch vụ thiết yếu: y tế, giáo dục...
- Cơ hội kinh tế chưa thật công bằng
 - Tiếp cận các nguồn vốn
 - Tiếp cận đất đai
 - Cơ hội học hành
 - Cơ hội việc làm
- Thu nhập bất hợp pháp vẫn tồn tại khá phổ biến (tham nhũng, buôn lậu, kinh doanh bất hợp pháp...)
- Một bộ phận dân cư có mức thu nhập, mức sống rất thấp
- Lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức: cuộc sống không ổn định.
 - Người dân vùng sâu, vùng xa; dân tộc ít người
 - Điều kiện tự nhiên khó khăn
 - Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội yếu kém.
 - Nhận thức, hiểu biết, kỹ năng lao động của người dân hạn chế.
 - Phong tục, tập quán lạc hậu.

Nguyên nhân của hạn chế:

- Trình độ thấp kém của LLSX
- Nền kinh tế đang ở trong quá trình chuyển đổi (cơ chế xin – cho vẫn tồn tại).
- Quản lý nhà nước còn yếu kém.

Chương 5

1. Bối cảnh mới ảnh hưởng đến thực hiện lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối?

❖ Bối cảnh quốc tế

- Toàn cầu hóa:

+ Tính thống nhất, phẳng tăng lên => cơ hội

+ Phân hóa sâu sắc hơn => thách thức

- Sự phát triển mạnh mẽ của KHCN và KH tri thức:

+ Nâng cao chất lượng cuộc sống

+ Nâng cao chất lượng cạnh tranh



Cơ hội, thách thức

- Thế giới đa cực => Đa dạng, phức tạp => Cơ hội, thách thức

+ Phương Đông, Phương Tây

+ Các cường quốc

+ Các tổ chức kinh tế khu vực

❖ Bối cảnh đất nước

- Những thành tựu của đổi mới:

+ Là tiền đề cho sự phát triển nhanh của đất nước trong thời gian tới.

+ Là cơ sở thực hiện lợi ích cho tất cả các chủ thể.

+ Các nguồn lực: vốn (thu hút vốn ngày càng tăng), LĐ nâng cao tay nghề, KH-CN từng bước đổi mới, tài nguyên thiên nhiên khai thác hiệu quả.

- Những khó khăn:

+ Là trở ngại cho sự phát triển nhanh của đất nước.

+ Lợi ích của một bộ phận dân cư sẽ bị ảnh hưởng.

+ Do yếu kém trong quản lý NN => khuyết tật TT khó bị kiểm soát => ảnh hưởng đến phát triển.

2. Thể chế phân phối thu nhập ở VN: Những quan điểm và khuyến nghị để hoàn thiện?

❖ Những quan điểm cơ bản:

- Nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân là mục tiêu quan trọng nhất.

- Đảm bảo công bằng trong phân phối thu nhập vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển.

- Phát triển KTTT, hội nhập quốc tế là con đường tất yếu để thực hiện lợi ích đất nước và lợi ích của các chủ thể khác.

- Nhà nước không chỉ phải tạo lập điều kiện thực hiện mà còn phải bảo vệ các lợi ích của các chủ thể KT, => Đảm bảo hài hòa các lợi ích. Khuyến nghị người giàu làm giàu, người nghèo thoát nghèo.

❖ Những khuyến nghị

- KTTT có những ưu việt: năng động, hiệu quả, tạo động lực phát triển, đào thải. Và những hạn chế trong phân phối

- Nhà nước cũng có những ưu điểm và hạn chế trong phân phối thu nhập.

Nguyên tắc: nhà nước chỉ làm những gì thị trường và doanh nghiệp không làm được.

- Phát triển KTTT
 - Tạo lập môi trường pháp luật tự do, bình đẳng trong các hoạt động kinh tế
 - Xây dựng, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng
 - Xây dựng, hoàn thiện thể chế KTTT
 - Hoạch định, thực thi chính sách điều tiết, hỗ trợ thị trường
- Phát triển KH-CN
 - Xây dựng chiến lược phát triển KH-CN
 - Đầu tư xây dựng hạ tầng KH-CN
 - Phát triển nguồn nhân lực KH-CN
 - Phát triển thị trường KH-CN
- Tích cực và chủ động hội nhập
 - Hội nhập không chỉ mang lại cơ hội, mà cả thách thức. Tích cực và chủ động hội nhập là để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức.
 - Tích cực hội nhập là tranh thủ, tận dụng mọi cơ hội để hội nhập
 - Chủ động hội nhập là xác định rõ và tích cực thực hiện mục tiêu, lộ trình hội nhập
- Hoàn thiện các chính sách phân phối của nhà nước
 - Mục tiêu: khắc phục khuyết tật thị trường, thực hiện định hướng XHCN
 - Nội dung: thực hiện công bằng cả về thu nhập (đầu ra), cả về cơ hội (đầu vào)
 - Hạn chế thu nhập bất hợp pháp (tham nhũng, buôn lậu...)